

Số: 73/BC-THCSHT

Hiến Thành, ngày 28 tháng 6 năm 2025

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2025**

(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục

- Tên trường: Trường THCS Hiến Thành, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

2. Địa chỉ

Số 1, đường Nguyễn Bình Khiêm, phường Hiến Thành, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

Website: <http://km-thcshienthanh.haiduong.edu.vn>

Email: thcshienthanh@gmail.com

3. Loại hình

- Loại hình: Công lập.

- Cơ quan chủ quản: UBND thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

4.1. Sứ mạng

Tạo dựng được môi trường học tập thân thiện, nề nếp, kỷ cương, chất lượng để mỗi học sinh đều có cơ hội học tập, rèn luyện, phát triển hết tiềm năng, phát triển tài năng của mình.

4.2. Tầm nhìn

Đến năm 2030, trường THCS Hiến Thành có cơ sở vật chất tiên tiến, hiện đại, là địa chỉ tin cậy về chất lượng giáo dục.

4.3. Mục tiêu

4.3.1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng nhà trường có chất lượng giáo dục cao, vừa đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, góp phần đáp ứng yêu cầu phát triển con người Việt Nam toàn diện về Đức, Trí, Thể, Mỹ, hướng tới “công dân toàn cầu”.

4.3.2. Các mục tiêu cụ thể

- Xây dựng đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, về cơ cấu, có phẩm chất đạo đức tốt, có lòng yêu nghề và năng lực sư phạm, đáp ứng yêu cầu dạy học theo chương trình và phương pháp mới.



- Thực hiện tốt chức năng quản lý giáo dục. Đổi mới công tác quản lý giáo dục phù hợp với việc đổi mới chương trình giáo dục.

- Nâng cấp cơ sở vật chất và thiết bị dạy học theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa tương ứng với yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học. Tích cực đưa công nghệ thông tin vào quá trình dạy học.

- Đến 2030, trường có cơ sở vật chất tiên tiến, hiện đại, Kiểm định chất lượng Cấp độ 2 và đạt Chuẩn quốc gia mức độ 1.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Trường THCS Hiến Thành được thành lập năm 1967, tiền thân trường mang tên là Trường cấp 2 Hiến Thành. Trải qua 58 năm xây dựng và trưởng thành, nhà trường luôn không ngừng lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng. Có hàng ngàn học sinh ra trường, tiếp tục học tập, công tác và cống hiến tài năng, trí tuệ cho việc xây dựng quê hương, đất nước.

Năm 2016 trường được công nhận trường Chuẩn quốc gia lần thứ nhất.

Tháng 7 năm 2022, nhà trường tiếp tục được công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia Mức độ 1 (lần thứ 2), Kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2.

Từ ngày thành lập đến nay, trường liên tục phát triển về nhiều mặt: Cơ sở vật chất của nhà trường ngày càng hoàn thiện. Hàng năm nhà trường đều có nhiều học sinh giỏi các cấp về văn hóa, thể dục thể thao; Chất lượng đại trà ổn định và có sự tiến bộ. Nhiều năm liên trường có học sinh giỏi cấp tỉnh, có nhiều học sinh đạt giải cao (Giải nhì, Ba). Nhà trường có thế mạnh về các đội tuyển Việt dã, Điền kinh. Chất lượng học sinh giỏi đứng ở các trường top đầu trong thị xã.

Đây là sự khẳng định về chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục của nhà trường trong những năm vừa qua, đồng thời cũng là tiền đề quan trọng để nhà trường xây dựng chiến lược phát triển trong giai đoạn sau với mục tiêu duy trì trường đạt chuẩn Quốc gia, tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, phấn đấu, đã và sẽ trở thành một địa chỉ tin cậy của nhân dân, học sinh trên địa bàn phường.

6. Thông tin người đại diện

- Người đại diện pháp luật: Nguyễn Thị Bích Ngọc.

- Chức vụ: Hiệu trưởng.

- Địa chỉ nơi làm việc: Số 1, đường Nguyễn Bình Khiêm, phường Hiến Thành, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- Số điện thoại: 0934 313 995.

- Email: thcsghienthanh@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

7.1. Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục

Tên Trường THCS Hiến Thành, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương được công nhận theo Quyết định số 1532/QĐ-UBND ngày 01/11/2019 của Ủy ban nhân dân thị xã Kinh Môn.

7.2. Quyết định công nhận hội đồng trường, Chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

Hội đồng trường nhiệm kỳ 2025 - 2030 được công nhận theo quy định tại Điều 10 Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GD&ĐT), Hội đồng trường được công nhận theo Quyết định số 59/QĐ-PGDĐT ngày 06/01/2025 của Trường phòng GD&ĐT thị xã Kinh Môn V/v thành lập Hội đồng trường THCS Hiến Thành nhiệm kỳ 2025 - 2030; Chủ tịch Hội đồng trường được công nhận theo Quyết định số 112/QĐ-PGDĐT ngày 10/01/2025 của Trường phòng GD&ĐT thị xã Kinh Môn V/v công nhận Chủ tịch Hội đồng trường THCS Hiến Thành.

7.3. Quy chế tổ chức và hoạt động; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; sơ đồ tổ chức bộ máy.

7.3.1. Cơ chế hoạt động của trường THCS Hiến Thành

Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng khác trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước;

Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác tài trợ giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

7.3.2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường

- Trường THCS Hiến Thành là cơ sở giáo dục THCS của hệ thống giáo dục quốc dân, là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND thị xã Kinh Môn.

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện

kinh tế-xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình GDPT do Bộ GD&ĐT ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong các hoạt động giáo dục.

- Tuyển sinh, tiếp nhận và quản lý học sinh theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.

- Tổ chức cho giáo viên, nhân viên và học sinh tham gia các hoạt động xã hội.

- Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.

- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục (HĐGD) theo quy định của pháp luật.

- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất (CSVC), trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục (HĐGD); bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các HĐGD theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục

Nhà trường có đầy đủ các văn bản theo quy định: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính... (Có văn bản kèm theo).

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số biên chế được UBND thị xã Kinh Môn giao năm 2025

Số biên chế được giao năm 2025: 40 người, tổng số người làm việc: 37 người

Số biên chế có mặt năm 2025 là: 30 người; Số giáo viên hợp đồng trong chỉ tiêu biên chế năm 2025 là: 04 người; 01 nhân viên bảo vệ (ngoài ra Hợp đồng liên trường: 02 người),

CBGVNV	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	01	01	0	0	01		
Phó Hiệu trưởng	01	01	0	0	01		

Giáo viên	25	17	0	0	25		
Giáo viên hợp đồng	06	06	0	0	06		
Nhân viên	04	03	0	01(BV)	03		
Cộng	37	28	0	01	36		

2. Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học cơ sở Hiến Thành năm học 2024 - 2025

[illegible]

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo				Hạng chức danh nghề nghiệp				Chuẩn nghề nghiệp		
			ThS	ĐH	CD	TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	35	0	34	1	0	1	11	14	4	26	5	0
II	Cán bộ quản lý	2	0	2	0	0	0	0	0	2	2	0	0
1	Hiệu trưởng	1	0	1	0	0	0	0	0	1	1	0	0
2	Phó hiệu trưởng	1	0	1	0	0	0	0	0	1	1	0	0
III	Nhân viên	3	0	2	1	0	1	2	0	0	0	0	0
1	NV văn thư	1	0	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0
2	NV kế toán	1	0	0	1	0	1	0	0	0	0	0	0
3	Thủ quỹ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Nhân viên y tế	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	NV thư viện	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1	0	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0
4	NV hỗ trợ giáo dục NKT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8	Nhân viên CNTT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9	Bảo vệ	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

** Ghi chú: Không xếp Hạng CDNN với 04 giáo viên hợp đồng và 01 nhân viên (Bảo vệ); không đánh giá chuẩn nghề nghiệp với 04 nhân viên, 2 giáo viên hợp đồng liên trường.*

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường THCS Hiến Thành năm học 2024 – 2025.

1. Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	12	-
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	12	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-

3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	5	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	-
7	Bình quân phòng học/lớp	0,6	-
8	Bình quân học sinh/lớp	41,65	-
III	Số điểm trường	01	-
IV	Tổng số diện tích đất (m ²)	9661	11,59m ² /học sinh
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	6846	8,22m ² /học sinh
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	576	0,69m ² /học sinh
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	378	0,45m ² /học sinh
3	Diện tích thư viện (m ²)	90	0,10m ² /học sinh
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	0
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	19	0,02m ² /học sinh
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	20	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	4	0,2 bộ/lớp
1.1	Khối lớp 6	1	0,2 bộ/lớp
1.2	Khối lớp 7	1	0,16 bộ/lớp
1.3	Khối lớp 8	1	0,2 bộ/lớp
1.4	Khối lớp 9	1	0,25 bộ/lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	16	0,8 bộ/lớp
2.1	Khối lớp 6	4	0,8 bộ/lớp
2.2	Khối lớp 7	4	0,66 bộ/lớp
2.3	Khối lớp 8	4	0,8 bộ/lớp
2.4	Khối lớp 9	4	1 bộ/lớp
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	/	/
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	20	Số học sinh/bộ 41,65
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp

1	Ti vi	11	0,55
2	Cát xét	0	0
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	0
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	2	0,1
5	Thiết bị khác...(bảng tương tác thông minh)	1	0,05

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	/
XI	Nhà ăn	/

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	/	/	/
XIII	Khu nội trú	/	/	/

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
		Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	x		x		x
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

* Kế hoạch bổ sung CSVCS cho năm học 2025 - 2026

- Nhà trường tiếp tục thực hiện xây mới khu nhà Hiệu bộ, sửa chữa tường rào đổ và các công trình phụ trợ do ảnh hưởng của bão số 3 (Yagi) đáp ứng yêu cầu của trường THCS đạt chuẩn quốc gia, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhiệm vụ dạy, học nhằm nâng cao hơn chất lượng giáo dục toàn diện học sinh.

- Nhà trường tiếp tục mua sắm và đề nghị được cấp bổ sung trang thiết bị dạy học đáp ứng chương trình GDPT 2018.

- Từng bước bổ sung thiết bị dạy học, cơ sở vật chất khác theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hoá, bảo quản và sử dụng hiệu quả, lâu dài.

2. Danh mục Sách giáo khoa được lựa chọn sử dụng trong nhà trường

2.1. Danh mục SGK lớp 6

STT	Tên sách	Tác giả	Nhà xuất bản
1	Toán 6 Tập 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Nguyễn Huy Đoan (Chủ biên), Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng	Giáo dục Việt Nam
	Toán 6 Tập 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Nguyễn Huy Đoan (Chủ biên), Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng	Giáo dục Việt Nam
2	Khoa học tự nhiên 6 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Đinh Đoàn Long, Lê Kim Long, Bùi Gia Thịnh (đồng Chủ biên), Nguyễn Hữu Chung, Nguyễn Thu Hà, Bùi Thị Việt Hà, Nguyễn Đức Hiệp, Trần Thị Thanh Huyền, Lê Trọng Huyền, Vũ Trọng Rỹ, Nguyễn Văn Vịnh	Giáo dục Việt Nam
3	Công nghệ 6 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Trương Thị Hồng Huệ, Lê Xuân Quang, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trinh, Vũ Cẩm Tú	Giáo dục Việt Nam
4	Giáo dục thể chất 6 (Cánh diều)	Lưu Quang Hiệp (Tổng Chủ biên), Đinh Quang Ngọc (Chủ biên), Đinh Khánh Thu, Mai Thị Bích Ngọc, Nguyễn Văn Thành	Đại học Sư phạm
5	Tin học 6 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Chí Công, Hà Đặng Cao Tùng, Đinh Thị Hạnh Mai, Hoàng Thị Mai	Giáo dục Việt Nam

6	Ngữ văn 6, Tập 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa (Chủ biên), Nguyễn Linh Chi, Nguyễn Thị Mai Liên, Lê Trà My, Lê Thị Minh Nguyệt, Nguyễn Thị Nường, Nguyễn Thị Hải Phương	Giáo dục Việt Nam
	Ngữ văn 6, Tập 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa (Chủ biên), Phan Huy Dũng, Phạm Đăng Xuân Hương, Đặng Lưu, Nguyễn Thanh Tùng	Giáo dục Việt Nam
7	Lịch sử và Địa lí 6 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên), Nghiêm Đình Vỹ, Đào Ngọc Hùng (đồng Tổng Chủ biên), Đinh Ngọc Bảo, Đào Ngọc Hùng (đồng Chủ biên), Vũ Thị Hằng, Phan Ngọc Huyền, Phạm Thị Thanh Huyền, Lê Huỳnh, Trần Thị Hong Mai, Hoàng Anh Tuấn, Phí Công Việt	Giáo dục Việt Nam
8	Giáo dục công dân 6 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thị Mai Phương (Chủ biên), Nguyễn Hà An, Nguyễn Thị Hoàng Anh, Phạm Thị Kim Dung, Nguyễn Thị Thọ	Giáo dục Việt Nam
9	Âm nhạc 6 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên), Vũ Mai Lan (Chủ biên), Bùi Minh Hoa, Trần Bảo Lân, Trịnh Thị Oanh, Cao Sỹ Anh Tùng, Nguyễn Thị Thanh Vân	Giáo dục Việt Nam
10	Mĩ thuật 6 6 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Đoàn Thị Mỹ Hương, Đinh Gia Lê (đồng Tổng Chủ biên), Phạm Thị Chính, Phạm Minh Phong (đồng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Vũ Thị Thanh Hương, Nguyễn Thị May, Đoàn Sỹ Dũng	Giáo dục Việt Nam
11	Hoạt động trải nghiệm, Hướng nghiệp 6 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lưu Thu Thủy, Bùi Sỹ Tụng (đồng Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Hạnh, Nguyễn Thị Việt Nga, Trần Thị Thu (đồng Chủ biên), Vũ Thị Lan Anh, Nguyễn Thanh Bình, Lê Văn Cầu,	Giáo dục Việt Nam

	với cuộc sống)	Dương Thị Thu Hà, Tạ Văn Hai, Nguyễn Thu Hương, Lê Thị Luận, Nguyễn Thị Thanh Mai, Nguyễn Hồng Thuận, Lê Thị Thanh Thủy	
12	Tiếng Anh 6 Global Success Tập 1, 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Chi (Chủ biên), Lê Kim Dung, Phan Chí Nghĩa, Vũ Mai Trang, Lương Quỳnh Trang	Giáo dục Việt Nam

2.2. Danh mục SGK lớp 7

STT	Tên sách	Tác giả	Nhà xuất bản
1	Ngữ Văn 7, tập 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Ngân Hoa (đồng Chủ biên), Nguyễn Thị Mai Liên, Lê Trà My, Lê Thị Minh Nguyệt, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hải Phương.	Giáo dục Việt Nam
	Ngữ Văn 7, tập 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Ngân Hoa (đồng Chủ biên), Dương Tuấn Anh, Nguyễn Linh Chi, Đặng Lưu.	Giáo dục Việt Nam
2	Toán 7, tập 1, tập 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Nguyễn Huy Đoan (Chủ biên), Cung Thế Anh, Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Trần Phương Dung, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng, Đặng Hùng Thắng.	Giáo dục Việt Nam
3	Tiếng Anh 7 Global Success (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Chi (Chủ biên), Lê Kim Dung, Nguyễn Thụy Phương Lan, Phan Chí Nghĩa, Lương Quỳnh Trang, Nguyễn Quốc Tuấn.	Giáo dục Việt Nam
4	Giáo dục công dân 7 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thị Mai Phương (Chủ biên), Nguyễn Hà An, Nguyễn Thị Hoàng Anh, Phạm Thị Kim Dung, Nguyễn Thị Thọ.	Giáo dục Việt Nam

5	Lịch sử và Địa lí 7 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỳ (Tổng Chủ biên cấp THCS phần Lịch sử), Nguyễn Thị Côi, Vũ Văn Quân (đồng Chủ biên phần Lịch sử), Phạm Đức Anh, Phạm Thị Thanh Huyền, Đặng Hồng Sơn; Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Đình Giang, Phạm Thị Thu Phương (đồng Chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Thị Thu Hiền, Đặng Thị Huệ, Phí Công Việt.	Giáo dục Việt Nam
6	Khoa học tự nhiên 7 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Mai Văn Hưng, Lê Kim Long, Bùi Gia Thịnh (đồng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Chi, Ngô Tuấn Cường, Trần Thị Thanh Huyền, Nguyễn Thị Bích Ngọc, Phạm Thị Phú, Vũ Trọng Rũ, Mai Thị Tình, Vũ Thị Minh Tuyền.	Giáo dục Việt Nam
7	Công nghệ 7 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đồng Huy Giới (Chủ biên), Cao Bá Cường, Bùi Hữu Đoàn, Bùi Thị Thu Hương, Kim Văn Vạn.	Giáo dục Việt Nam
8	Tin học 7 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hà Đặng Cao Tùng (Chủ biên), Phan Anh, Bùi Việt Hà, Đinh Thị Hạnh Mai, Hoàng Thị Mai.	Giáo dục Việt Nam
9	Giáo dục thể chất 7 (Cánh diều)	Lưu Quang Hiệp (Tổng Chủ biên), Bùi Ngọc (Chủ biên), Nguyễn Ngọc Tuấn, Nguyễn Xuân Trãi, Đặng Thị Thu Thủy.	Đại học Sư phạm
10	Âm nhạc 7 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên), Vũ Mai Lan (Chủ biên), Bùi Minh Hoa, Lê Thị Tuyết, Nguyễn Thị Thanh Vân.	Giáo dục Việt Nam
11	Mĩ thuật 7 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Xuân Nghị (Tổng Chủ biên), Đoàn Thị Mỹ Hương (Chủ biên), Phạm Duy Anh, Vũ Thị Thanh Hương.	Giáo dục Việt Nam
12	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 7 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Trần Thị Thu (Chủ biên), Nguyễn Thanh Bình, Dương Thị Thu Hà, Nguyễn Thu Hương, Nguyễn Thị Việt Nga, Lê Thị Thanh Thủy.	Giáo dục Việt Nam

2.3. Danh mục SGK lớp 8

TT	Tên sách	Tác giả	Nhà xuất bản
1	Ngữ Văn 8, tập 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Đặng Lưu, Nguyễn Thị Ngân Hoa (đồng Chủ biên), Dương Tuấn Anh, Lê Trà My, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hải Phương	Giáo dục Việt Nam
2	Ngữ Văn 8, tập 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Đặng Lưu, Nguyễn Thị Ngân Hoa (đồng Chủ biên), Phạm Huy Dũng, Nguyễn Thị Mai Liên, Lê Thị Minh Nguyệt, Nguyễn Thị Minh Thương	Giáo dục Việt Nam
3	Toán 8, tập 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Nguyễn Huy Đoan, Cung Thế Anh (đồng Chủ biên), Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Trần Phương Dung, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng, Đặng Hùng Thắng.	Giáo dục Việt Nam
4	Toán 8, tập 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Nguyễn Huy Đoan, Cung Thế Anh (đồng Chủ biên), Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Trần Phương Dung, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng, Đặng Hùng Thắng.	Giáo dục Việt Nam
5	Tiếng Anh 8 Global Success (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Lương Quỳnh Trang (Chủ biên), Lê Kim Dung, Nguyễn Thụy Phương Lan, Phan Chí Nghĩa, Lương Quỳnh Trang, Nguyễn Quốc Tuấn.	Giáo dục Việt Nam
6	Giáo dục công dân 8 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thị Mai Phương (Chủ biên), Nguyễn Hà An, Nguyễn Thị Hoàng Anh, Phạm Thị Kim Dung, Nguyễn Thị Thọ.	Giáo dục Việt Nam

7	Lịch sử và Địa lí 8 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỳ (Tổng Chủ biên cấp THCS phần Lịch sử), Trịnh Đình Tùng (Chủ biên phần Lịch sử), Nguyễn Ngọc Cơ, Đào Tuấn Thành, Hoàng Thanh Tú, Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên kiêm chủ Chủ biên phần Địa lí), Bùi Thanh Dung, Phạm Thị Thu Phương, Phí Công Việt	Giáo dục Việt Nam
8	Khoa học tự nhiên 8 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Mai Văn Hưng, Lê Kim Long, Vũ Trọng Rỹ (đồng Chủ biên), Nguyễn Văn Biên, Nguyễn Hữu Chung, Nguyễn Thu Hà, Lê Trọng Huyền, Nguyễn Thế Hưng, Nguyễn Xuân Thành, Bùi Gia Thịnh, Nguyễn Thị Thuần, Mai Thị Tinh, Vũ Thị Minh Tuyền, Nguyễn Văn Vịnh	Giáo dục Việt Nam
9	Công nghệ 8 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Đặng Thị Thu Hà, Nguyễn Hồng Sơn, Phạm Văn Sơn, Nguyễn Thanh Trinh, Vũ Thị Ngọc Thúy	Giáo dục Việt Nam
10	Tin học 8 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hà Đặng Cao Tùng (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Hải Châu, Hoàng Thị Mai, Nguyễn Thị Hoài Nam	Giáo dục Việt Nam
11	Giáo dục thể chất 8 (Cánh Diều)	Đinh Quang Ngọc (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Đặng Hoài An, Đinh Thị Mai Anh, Mai Thị Bích Ngọc, Nguyễn Văn Thành, Đinh Khánh Thu	Đại học Sư phạm
12	Âm nhạc 8 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hoàng Long (Tổng Chủ biên), Vũ Mai Lan (Chủ biên), Bùi Minh Hoa, Trần Bảo Lân, Đặng Khánh Nhật, Nguyễn Thị Thanh Vân	Giáo dục Việt Nam

13	Mĩ thuật 8 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Đình Gia Lê (Tổng Chủ biên), Hoàng Minh Phúc (Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trương Triều Dương.	Giáo dục Việt Nam
14	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 8 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Trần Thị Thu (Chủ biên), Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn Thu Hương, Nguyễn Thị Việt Nga, Lê Thị Thanh Thủy.	Giáo dục Việt Nam

2.4. Danh mục sách giáo khoa lớp 9

TT	Tên sách	Tác giả	Nhà xuất bản
1	Ngữ văn 9, tập 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Tổng chủ biên: Bùi Mạnh Hùng; Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (đồng Chủ biên), Dương Tuấn Anh, Lê Trà My, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hải Phương, Nguyễn Thị Minh Thương	Giáo dục Việt Nam
2	Ngữ văn 9, tập 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Tổng chủ biên: Bùi Mạnh Hùng; Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (đồng Chủ biên), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Mai Liên, Lê Thị Minh Nguyệt	Giáo dục Việt Nam
3	Toán 9, tập 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên); Cung Thế Anh, Nguyễn Huy Đoan (đồng chủ biên), Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Trần Phương Dung, Sỹ Đức Quang, Lưu Bá Thắng, Đặng Hùng Thắng.	Giáo dục Việt Nam
4	Toán 9, tập 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên); Cung Thế Anh, Nguyễn Huy Đoan (đồng chủ biên), Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Trần Phương Dung, Sỹ Đức Quang, Lưu Bá Thắng, Đặng Hùng Thắng.	Giáo dục Việt Nam
5	Tiếng Anh 9 Global Success (Kết nối tri thức)	Hoàng Văn Vân (Tổng chủ biên), Lương Quỳnh Trang (Chủ biên), Nguyễn Thị Chi, Lê Kim Dung, Nguyễn Thụy Phương Lan, Phan	Giáo dục Việt Nam

	với cuộc sống)	Chí Nghĩa, Trần Thị Hiếu Thủy.	
6	Khoa học tự nhiên 9 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng (Tổng chủ biên); Nguyễn Văn Biên, Lê Trọng Huyền, Đinh Đoàn Long (đồng chủ biên), Nguyễn Thu Hà, Trương Duy Hải, Nguyễn Thanh Hưng, Trần Văn Kiên, Đường Khánh Linh, Nguyễn Thị Hằng Nga, Vũ Công Nghĩa, Vũ Trọng Rỹ, Nguyễn Thị Thuần.	Giáo dục Việt Nam
7	Lịch sử và Địa lí 9 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỳ (Tổng Chủ biên cấp THCS phần Lịch sử), Nguyễn Ngọc Cơ, Trịnh Đình Tùng (đồng chủ biên phần Lịch sử), Hoàng Hải Hà, Nguyễn Thị Huyền Sâm, Hoàng Thanh Tú; Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Trọng Đức, Lê Văn Hà, Nguyễn Tú Linh, Phạm Thị Trâm.	Giáo dục Việt Nam
8	Giáo dục công dân 9 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Thị Toan (Tổng chủ biên); Trần Thị Mai Phương (Chủ biên), Nguyễn Hà An, Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Thị Thọ.	Giáo dục Việt Nam
9	Âm nhạc 9 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hoàng Long (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Bùi Minh Hoa, Vũ Mai Lan, Trần Bảo Lân, Đặng Khánh Nhật, Nguyễn Thị Thanh Vân	Giáo dục Việt Nam
10	Mĩ thuật 9 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Đinh Gia Lê (Tổng chủ biên), Đoàn Thị Mỹ Hương (Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trương Triều Dương.	Giáo dục Việt Nam
11	Tin học 9 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên); Hà Đăng Cao Tùng (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Hải Châu, Hoàng Thị Mai.	Giáo dục Việt Nam
12	Công nghệ 9- Định hướng nghề nghiệp (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng chủ biên), Phạm Mạnh Hà (Chủ biên), Nguyễn Xuân An, Nguyễn Thị Bích Thủy, Vũ Cẩm Tú	Giáo dục Việt Nam
13	Công nghệ 9- Mô đun Trồng cây ăn quả (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng chủ biên), Đồng Huy Giới (Chủ biên), Bùi Thu Hương, Đào Quang Nghị	100%

14	Giáo dục thể chất 9 (Cánh điều)	Đinh Quang Ngọc (Tổng chủ biên kiêm chủ biên), Đặng Hoài An, Đinh Thị Mai Anh, Mai Thị Bích Ngọc, Nguyễn Văn Thành, Đinh Khánh Thu	Đại học Sư phạm
15	Hoạt động Trải nghiệm, hướng nghiệp 9 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên)/ Trần Thị Thu (Chủ biên); Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn Thu Hương, Nguyễn Thị Việt Nga, Lê Thị Thanh Thủy	Giáo dục Việt Nam

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Trường THCS Hiến Thành luôn quan tâm đến mục đích kiểm định chất lượng. Trong đó, tự đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường là tự xem xét, tự kiểm tra, chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và các biện pháp thực hiện, để đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, thường xuyên cải tiến nâng cao chất lượng giáo dục. Trường THCS Hiến Thành đã tự đánh giá chất lượng giáo dục để xác định rõ trường đã đạt được ở cấp độ nào, từ đó đăng kí kiểm định chất lượng với cấp trên, để được công nhận, giúp nhà trường tiếp tục duy trì và phát huy hơn nữa chất lượng giáo dục toàn diện.

Từng giai đoạn, nhà trường đã nghiêm túc thực hiện quá trình tự đánh giá; Đồng thời, thấy được ý nghĩa thiết thực của công việc tự đánh giá đã giúp nhà trường nhận ra được những điểm mạnh, điểm yếu để từ đó đề ra những giải pháp cải tiến chất lượng mang tính khả thi. Công việc tự đánh giá đã có tác động tích cực trong việc nâng cao chất lượng và hiệu quả các hoạt động giáo dục của nhà trường trong những năm gần đây.

Trường THCS Hiến Thành đã tiến hành tự đánh giá theo đúng quy trình:

1. Thành lập hội đồng tự đánh giá.
2. Xây dựng mục đích, phạm vi tự đánh giá.
3. Xây dựng kế hoạch tự đánh giá.
4. Thu thập, xử lý và phân tích các thông tin, minh chứng.
5. Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.
6. Viết báo cáo tự đánh giá.
7. Công bố báo cáo tự đánh giá.

Trường đã thành lập hội đồng tự đánh giá gồm các thành viên với đầy đủ các thành phần: Chi ủy chi bộ, BGH, Chủ tịch Công đoàn, Tổng phụ trách Đội, các tổ trưởng chuyên môn, các đồng chí CBGVNV phụ trách các hoạt động có liên quan.



Phân công các thành viên trong nhóm công tác là những người trực tiếp phụ trách các Hoạt động giáo dục nhà trường và đã công tác, giảng dạy nhiều năm tại trường.

Kết quả của quá trình tự đánh giá:

Thực hiện tự đánh giá, nhà trường đã nhận thấy điểm mạnh, điểm yếu, từ đó đề ra được kế hoạch cải tiến chất lượng để phát huy điểm mạnh và khắc phục điểm yếu. Kỷ cương nề nếp được giữ vững, công tác quản lý được đổi mới và việc đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường chuẩn mực hơn.

- Tháng 7 năm 2022, trường THCS Hiến Thành được công nhận Trường học đạt Kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2.

- Năm 2025, nhà trường tự đánh giá tiếp tục đủ điều kiện duy trì và giữ vững đạt đạt Kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin tuyển sinh

- Tuyển sinh lớp 6 năm học 2024 - 2025: 208 học sinh (Tuyển sinh 100% học sinh hoàn thành chương trình tiểu học vào lớp 6)

- Quy mô số lớp, số học sinh:

Khối	Đầu năm	Cuối năm	Ghi chú
Lớp 6 (5 lớp)	208	208	
Lớp 7 (6 lớp)	258	256	02 học sinh bỏ học
Lớp 8 (5 lớp)	197	198	01 học sinh chuyển đến
Lớp 9 (4 lớp)	172	171	01 học sinh chuyển đi
Tổng số	835	833	

- Toàn trường có 06 học sinh khuyết tật học hoà nhập. Trong năm học có 02 học sinh bỏ học. Kết quả duy trì sĩ số đảm bảo 99,8.

2. Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở Hiến Thành năm học 2024 – 2025

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Điều kiện tuyển sinh	Theo quy định của UBND thị xã Kinh Môn và Phòng GD&ĐT Kinh Môn	Theo quy định của UBND thị xã Kinh Môn và Phòng GD&ĐT Kinh Môn	Theo quy định của UBND thị xã Kinh Môn và Phòng GD&ĐT Kinh Môn	Theo quy định của UBND thị xã Kinh Môn và Phòng GD&ĐT Kinh Môn
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Thực hiện chuẩn KT-KN theo CTGDPT 2018 của Bộ GD&ĐT	Thực hiện chuẩn KT-KN theo CTGDPT 2018 của Bộ GD&ĐT	Thực hiện chuẩn KT-KN theo CTGDPT 2018 của Bộ GD&ĐT	Thực hiện chuẩn KT-KN theo CTGDPT 2018 của Bộ GD&ĐT

III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	-Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và GD. - Học sinh tích cực, chuyên cần, chủ động trong học tập	- Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và GD. - Học sinh tích cực, chuyên cần, chủ động trong học tập	- Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và GD. - Học sinh tích cực, chuyên cần, chủ động trong học tập	- Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và GD. - Học sinh tích cực, chuyên cần, chủ động trong học tập
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Hoạt động TN-HN, lao động, văn thể mỹ, hoạt động tư vấn học tập, tư vấn tâm lý.	- Hoạt động TN-HN, lao động, văn thể mỹ, hoạt động tư vấn học tập, tư vấn tâm lý.	- Hoạt động TN-HN, lao động, văn thể mỹ, hoạt động tư vấn học tập, tư vấn tâm lý.	- Hoạt động TN-HN, lao động, văn thể mỹ, hoạt động tư vấn học tập, tư vấn tâm lý.
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Năng lực, phẩm chất được đánh giá từ Đạt trở lên. - Học tập đánh giá từ Đạt trở lên. - Sức khỏe đạt 98%trở lên.	- Năng lực, phẩm chất được đánh giá từ Đạt trở lên. - Học tập đánh giá từ Đạt trở lên. - Sức khỏe đạt 98%trở lên.	- Năng lực, phẩm chất được đánh giá từ Đạt trở lên. - Học tập đánh giá từ Đạt trở lên. - Sức khỏe đạt 98%trở lên.	- Năng lực, phẩm chất được đánh giá từ Đạt trở lên. - Học tập đánh giá từ Đạt trở lên. - Sức khỏe đạt 98%trở lên.
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Học đủ 4 năm cấp THCS	Học đủ 3 năm cấp THCS	Học đủ 2 năm cấp THCS	- Hoàn thành chương trình GD THCS, TN. THCS và thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT hệ công lập 98 % trở lên.

2. Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở Hiến Thành năm học 2024 – 2025

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo kết quả rèn luyện	833	208	256	198	171
1	Tốt (tỷ lệ % so với tổng số)	81,63	80,29	76,95	81,31	90,64
2	Khá (tỷ lệ % so với tổng số)	17,29	17,79	22,27	17,17	9,36
3	Đạt (tỷ lệ % so với tổng số)	1,08	1,92	0,78	1,52	0
4	Chưa đạt (tỷ lệ % so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo kết quả học tập (06HSKT)	833	208	256	198	171
1	Tốt (tỷ lệ % so với tổng số)	12,73	10,1	14,06	14,14	12,28

2	Khá (tỷ lệ % so với tổng số)	41,3	46,15	32,03	37,88	53,22
3	Đạt (tỷ lệ % so với tổng số)	42,97	39,42	50,39	45,96	32,75
4	Chưa đạt (tỷ lệ % so với tổng số)	3	4,33	3,52	2,02	1,75
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp (tỷ lệ % so với tổng số)	97	95,67	96,48	97,98	98,25
2	Học sinh giỏi (tỷ lệ % so với tổng số)	12,73	10,1	14,06	14,14	12,28
2	Thi lại (tỷ lệ % so với tổng số)	3	4,33	3,52	2,02	1,75
3	Lưu ban (tỷ lệ % so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ % so với tổng số)	0,24	0	0	0,5	0,58
5	Bị đuổi học (tỷ lệ % so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ % so với tổng số)	0,24	0	0,78	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	39	5	9	21	6
1	Cấp thị xã	39	5	9	21	4
2	Cấp tỉnh	2	0	0	0	2
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	171	/	/	/	171
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	168	/	/	/	168
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ % so với tổng số)	/	/	/	/	/
VIII	Số học sinh nữ	392	97	115	91	89
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	02	0	01	0	01

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Công khai quyết toán ngân sách và các khoản thu - chi năm 2024

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG	Chi thường xuyên tự chủ	Chi thường xuyên không tự chủ	GHI CHÚ
I	DỰ TOÁN THU	6.898.400.000	4.650.051.000	
1	DỰ TOÁN NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG		4.510.000.000	
2	DỰ TOÁN GIAO	6.655.000.000		
3	DỰ TOÁN BỔ SUNG TRONG NĂM	243.400.000	140.051.000	
II	DỰ TOÁN CHI	3.097.294.300	73.847.000	

1	Tiền lương	1.590.170.394		
2	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	119.362.056	5.642.000	
3	Phụ cấp lương	771.853.593	58.755.000	
4	Các khoản đóng góp	468.693.998		
5	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	27.150.000		
6	Thanh toán dịch vụ công cộng	23.861.087		
7	Vật tư văn phòng	25.320.000		
8	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	5.640.000		
9	Công tác phí	4.500.000		
10	Chi phí thuê mướn	22.513.050		
11	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	19.000.000		
12	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	828.000		
13	Chi khác	18.402.122		
14	Hỗ trợ đối tượng chính sách đóng học phí		9.450.000	

CÁC KHOẢN THU - CHI NĂM HỌC 2024 - 2025

STT	NỘI DUNG	THU	CHI	CÒN LẠI	GHI CHÚ
	TỔNG CỘNG	1.691.407.000	1.434.928.344	256.478.656	
1	HỌC PHÍ	770.175.500	513.696.844	256.478.656	
a	Học phí kỳ I	342.300.000	205.380.000	136.920.000	
b	Học phí kỳ II	427.875.500	308.316.844	119.558.656	
2	Học thêm	746.350.500	746.350.500	-	

3	Xe đạp	47.460.000	47.460.000	-	
4	Nước uống	52.451.000	52.451.000	-	
5	Vệ sinh	74.970.000	74.970.000	-	

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Trong năm học 2024 - 2025, Trường THCS Hiến Thành đã nghiêm túc triển khai và đạt được nhiều kết quả tích cực trong thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm khác theo chỉ đạo của ngành và địa phương, cụ thể:

1. Công tác chuyển đổi số trong giáo dục

- Nhà trường đã đẩy mạnh Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và dạy học; Sử dụng hiệu quả các phần mềm quản giáo dục trong dạy học giúp nâng cao chất lượng giảng dạy và kết quả học tập của học sinh

2. Công tác quản lý hành chính, văn thư lưu trữ, thông tin báo cáo

- Công tác quản lý hành chính được tăng cường từ các tổ chuyên môn đến văn phòng và CBQL. Các loại hồ sơ chuyên môn được sắp xếp khoa học.

- Công tác văn thư lưu trữ: Nhà trường thực hiện tốt việc lưu trữ các loại hồ sơ, giấy tờ và hệ thống văn bản gửi đi, gửi đến, cập nhật thông tin thường xuyên các trang Website của ngành. Công tác thông tin, báo cáo đầy đủ.

- Công tác kế toán: Có đủ các loại hồ sơ, sổ sách theo quy định. Thanh toán đầy đủ, kịp thời các chế độ cho cán bộ, giáo viên. Việc quản lý tài sản, tài chính được thực hiện nghiêm túc.

3. Quản lý dạy thêm, học thêm

- Trong học kỳ I, Nhà trường tổ chức dạy thêm, học thêm theo hướng dẫn tại Công văn số 1710/SGDĐT-GDTrH-GDTrH ngày 21/9/2023 về việc một số lưu ý về tổ chức dạy thêm học thêm từ năm học 2023 - 2024.

- Học sinh đăng ký học thêm tự nguyện, việc thu góp thực hiện theo các văn bản hiện hành về dạy thêm, học thêm trên cơ sở có sự đồng thuận của phụ huynh học sinh.

- Từ ngày 14/02/2025, thực hiện Thông tư 29/2024/TT-BGDĐT ngày 30/12/2024 của Bộ GD&ĐT quy định về dạy thêm, học thêm, nhà trường chỉ tổ chức dạy thêm với đối tượng học sinh giỏi lớp 6, 7, 8 và ôn thi vào lớp 10 -THPT đối với học sinh lớp 9 (không thu tiền học thêm của học sinh).

4. Phổ biến, giáo dục pháp luật và phòng, chống tham nhũng

- Tổ chức các buổi tuyên truyền pháp luật thông qua các buổi họp, hội nghị, qua sinh hoạt chuyên đề, hoạt động trải nghiệm, mạng xã hội và hệ thống tin nhắn.

- Trong năm học 2024 - 2025, nhà trường thực hiện tốt công khai minh bạch trong quản lý tài chính, thi đua khen thưởng, tuyển sinh, đánh giá học sinh và các

chế độ chính sách khác.

5. Công tác thi đua, hưởng ứng phong trào của ngành

- Nhà trường phát động và hưởng ứng tích cực các phong trào thi đua của ngành như: “Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập”, “Mỗi thầy cô giáo là tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo” ...

- Giáo viên và học sinh tham gia đầy đủ, có chất lượng các cuộc thi do ngành tổ chức

- Tổ chức bình xét thi đua khách quan, công khai.

6. Tham mưu, huy động nguồn lực, tăng cường cơ sở vật chất

- Chủ động tham mưu với lãnh đạo các cấp đề nghị hỗ trợ kinh phí xây dựng, sửa chữa, cải tạo cơ sở vật chất đảm bảo các tiêu chí của trường chuẩn đạt chuẩn quốc gia.

7. Công tác bồi dưỡng đội ngũ

Nhà trường hiện có 100% cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên đều đạt chuẩn. Đội ngũ chuyên môn vững vàng, có nhiều đồng chí năng lực tốt, tiếp cận chương trình đổi mới nhanh có hiệu quả cao; tích cực tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

Nhà trường thường xuyên bồi dưỡng đội ngũ cán bộ giáo viên theo chương trình bồi dưỡng của Sở GD&ĐT và Phòng GD&ĐT, thông qua các hoạt động chuyên môn như chuyên đề, hội thảo, hội học, hội giảng ...

8. Thực hiện kiểm tra nội bộ, đảm bảo kỷ cương - nền nếp trường học

- Thực hiện nghiêm túc việc kiểm tra nội bộ theo kế hoạch.

- Duy trì kỷ luật trường học tốt, trường học đảm bảo an toàn về an ninh trật tự.

Trên đây là nội dung công khai theo Thông tư 09/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 của trường THCS Hiến Thành thông báo đến các tập thể và cá nhân quan tâm. Mọi ý kiến đóng góp xin vui lòng gửi về địa chỉ Email: thcsghienthanh@gmail.com.

Nhà trường trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- CB, GV, NV, CMHS trường;
- Bảng tin thông báo nhà trường;
- Đăng Website nhà trường;
- Lưu: VT.



Nguyễn Thị Bích Ngọc